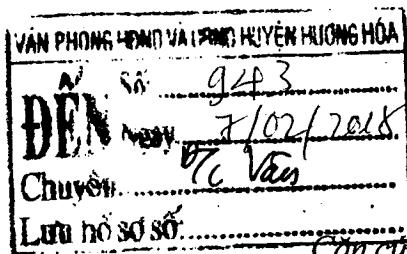


Số: **04**/2018/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **25** tháng **01** năm 2018



QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá dịch vụ sử dụng bến bãi và diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/2/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp tính giá chung đối với hàng hóa dịch vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá dịch vụ sử dụng bến bãi chợ cho tiếp nhận kinh doanh hàng hoá và giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động kinh doanh, dịch vụ sử dụng điểm kinh doanh, mặt bằng, diện tích bán hàng, dịch vụ cố định và không cố định tại chợ; các tổ chức, cá nhân có phương tiện vận tải chở hàng hoá ra vào chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

2. Ban quản lý chợ, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh khai thác và quản lý chợ.

Điều 3. Quy định giá dịch vụ sử dụng bến bãi và diện tích bán hàng tại chợ

1. Mức giá dịch vụ sử dụng bến bãi tại chợ cụ thể như sau:

TT	Loại phương tiện	ĐVT	Giá cụ thể	Giá tối đa
1	Chợ hạng 1			
-	Xe ô tô dưới 16 chỗ ngồi	đồng/xe/lượt	10.000	15.000
-	Xe từ 16 chỗ ngồi trở lên	đồng/xe/lượt	15.000	20.000
-	Ô tô trọng tải dưới 3,5 tấn	đồng/xe/lượt	20.000	30.000
-	Ô tô trọng tải từ 3,5 tấn trở lên	đồng/xe/lượt	25.000	35.000
-	Thuyền, ca nô vào bến	Đồng/phương tiện/lượt	10.000	15.000
-	Bãi đỗ xe máy thô	đồng/xe/tháng	20.000	30.000
2	Chợ hạng 2			
-	Xe ô tô dưới 16 chỗ ngồi	đồng/xe/lượt	8.000	12.000
-	Xe từ 16 chỗ ngồi trở lên	đồng/xe/lượt	12.000	18.000
-	Ô tô trọng tải dưới 3,5 tấn	đồng/xe/lượt	16.000	24.000
-	Ô tô trọng tải từ 3,5 tấn trở lên	đồng/xe/lượt	20.000	30.000
-	Thuyền, ca nô vào bến	đồng/phương tiện/lượt	8.000	12.000
-	Bãi đỗ xe máy thô	đồng/xe/tháng	16.000	24.000
3	Chợ hạng 3			
-	Xe ô tô dưới 16 chỗ ngồi	đồng/xe/lượt	6.000	9.000
-	Xe từ 16 chỗ ngồi trở lên	đồng/xe/lượt	9.000	14.000
-	Ô tô trọng tải dưới 3,5 tấn	đồng/xe/lượt	12.000	18.000
-	Ô tô trọng tải từ 3,5 tấn trở lên	đồng/xe/lượt	15.000	22.000
-	Thuyền, ca nô vào bến	đồng/phương tiện/lượt	6.000	9.000
-	Bãi đỗ xe máy thô	đồng/xe/tháng	12.000	18.000
4	Chợ chưa xếp hạng			
-	Xe ô tô dưới 16 chỗ ngồi	đồng/xe/lượt	4.000	6.000
-	Xe từ 16 chỗ ngồi trở lên	đồng/xe/lượt	6.000	9.000
-	Ô tô trọng tải dưới 3,5 tấn	đồng/xe/lượt	8.000	12.000
-	Ô tô trọng tải từ 3,5 tấn trở lên	đồng/xe/lượt	10.000	15.000
-	Thuyền, ca nô vào bến	đồng/phương tiện/lượt	4.000	6.000
-	Bãi đỗ xe máy thô	đồng/xe/tháng	8.000	12.000

2. Mức giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ cụ thể như sau:

TT	Vị trí bán hàng	ĐVT	Giá cụ thể	Giá tối đa
A Chợ hạng 1				
1	Đối với điểm kinh doanh cố định:			
-	Khu vực có mái che	đồng/m ² /tháng	60.000	90.000
-	Khu vực không có mái che	đồng/m ² /tháng	30.000	45.000
2	Đối với điểm kinh doanh không cố định	đồng/người/ngày	5.000	8.000
B Chợ hạng 2				
1	Đối với điểm kinh doanh cố định:			
-	Khu vực có mái che	đồng/m ² /tháng	48.000	72.000
-	Khu vực không có mái che	đồng/m ² /tháng	24.000	36.000
2	Đối với điểm kinh doanh không cố định	đồng/người/ngày	4.000	6.000
C Chợ hạng 3				
1	Đối với điểm kinh doanh cố định:			
-	Khu vực có mái che	đồng/m ² /tháng	36.000	54.000
-	Khu vực không có mái che	đồng/m ² /tháng	18.000	27.000
2	Đối với điểm kinh doanh không cố định	đồng/người/ngày	3.000	5.000
D Chợ chưa được xếp hạng				
1	Đối với điểm kinh doanh cố định:			
-	Khu vực có mái che	đồng/m ² /tháng	24.000	36.000
-	Khu vực không có mái che	đồng/m ² /tháng	12.000	18.000
2	Đối với điểm kinh doanh không cố định	đồng/người/ngày	2.000	3.000

- Giá dịch vụ sử dụng bến bãi và diện tích bán hàng tại chợ trên là giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

- Giá dịch vụ sử dụng bến bãi và diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước áp dụng mức giá cụ thể.

- Giá dịch vụ sử dụng bến bãi và diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước áp dụng không vượt quá mức giá tối đa.

- Mức thu giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ:

+ Đối với các chợ chỉ tập trung buôn bán một buổi mỗi ngày thì mức thu bằng 50% mức thu quy định nói trên.

+ Đối với các chợ hiện đang thực hiện thu tiền thuê, sử dụng địa điểm kinh doanh tại chợ thông qua hợp đồng sử dụng, thuê địa điểm kinh doanh theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì mức thu giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ theo quy định này chỉ áp dụng cho các đối tượng kinh doanh phát sinh ngoài khu vực kinh doanh đã cho thuê theo phương án được duyệt.

- Giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ không bao gồm các khoản thu về dịch vụ vệ sinh; bảo vệ, trông giữ phương tiện, hàng hóa; tiền điện, tiền nước và các khoản thu dịch vụ, thu phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chế độ Quản lý, sử dụng nguồn thu giá dịch vụ sử dụng bên bãi và điện tích bán hàng tại chợ

1. Đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì khoản tiền thu được từ giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ là doanh thu của đơn vị, đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng số tiền thu được sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật, bảo đảm bù đắp toàn bộ chi phí hợp lý phục vụ công tác quản lý (bao gồm cả tiền lương, tiền công, các khoản đóng góp theo lương), chi phí duy tu, sửa chữa, nâng cấp chợ; đảm bảo công tác giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, công tác phòng cháy, chữa cháy.

2. Đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước thì tổ chức, cá nhân quản lý chợ tự chủ, tự chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn thu; có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định.

3. Hằng năm, đơn vị thu tiền sử dụng dịch vụ tại chợ phải thực hiện quyết toán thuế đối với số tiền thu được cùng với kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh khác (nếu có) với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương chịu trách nhiệm thực hiện đánh giá, công bố công khai phân hạng chợ theo quy định để làm căn cứ thu dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ;

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện giá dịch vụ bên bãi và điện tích bán hàng tại chợ.

3. Cục Thuế tỉnh chịu trách nhiệm kiểm tra, chỉ đạo các Chi Cục Thuế các địa phương hướng dẫn đơn vị thu dịch vụ quản lý và sử dụng hóa đơn, chứng từ có liên quan đến việc thu giá dịch vụ sử dụng bên bãi và điện tích bán hàng tại chợ theo quy định. Đồng thời phối hợp với các cơ quan có liên quan kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu:

a) Chỉ đạo các phòng, Ban liên quan kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện các quy định về giá dịch vụ sử dụng bến bãi và diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn;

b) Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh mức giá dịch vụ sử dụng bến bãi và diện tích bán hàng tại chợ để phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của pháp luật hiện hành thì xây dựng phương án giá gửi Sở Công Thương, Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

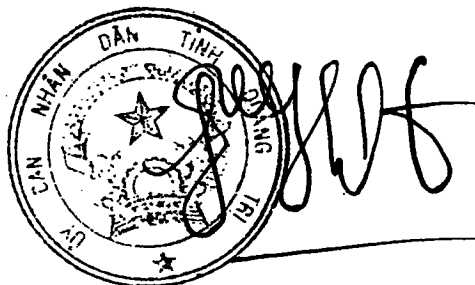
Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/02/2018

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Công Thương,; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính (B/c);
- TT/HĐND tỉnh (B/c);
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Trung tâm Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chính

UBND HUYỆN HƯƠNG HÓA

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 07 /YS-UBND

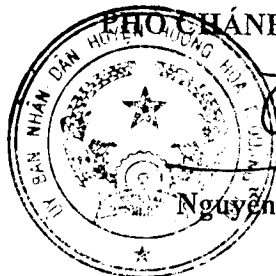
Hương Hóa, ngày 23 tháng 02 năm 2018

Nơi nhận:

- Đ/c Thuận PCT huyện;
- Phòng TCKH;
- Phòng KT-HT;
- UBND các xã: Tân Liên, Tân Long, Tân Lập, H.Phùng;
- BQL Chợ Khe Sanh, Lao Bảo;
- Chánh, PVP, CV;
- Lưu VT.

TL.CHỦ TỊCH

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG.



Nguyễn Ngọc Tri